

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05/7/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Thìn

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm 1980; cư trú tại: Xóm G, thôn B, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1981; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Hồng N tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2017, ngày 12/5/2017 của UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ sống chung được khoảng chín ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm hiểu kỹ về nhau trước khi kết hôn nên khi sống chung xảy ra bất đồng, tính tình không hợp. Anh chị chỉ sống chung trong thời gian ngắn, từ tháng 6 năm 2017 đến nay, anh chị không còn sống chung, không liên lạc với nhau. Nay anh thấy rằng giữa vợ chồng không còn sống chung trong thời gian dài và cũng không thể đoàn tụ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị Hồng N.

Về con chung: Giữa anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất như lời trình bày của anh Đ về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2017.

Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với nhau trong thời gian một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, hiện nay vợ chồng không còn sống chung và cũng không thể đoàn tụ được với nhau. Từ ngày vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh Đ có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, hiện anh đang sống chung với một người phụ nữ tại xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và đã có con với người này. Việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn sống chung, anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, chị không có lỗi nên việc anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa anh Lê Ngọc Đ và chị Lê Thị Hồng N xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2017, ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của các bên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh Đ và chị N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[1.1] Anh Đ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, tính tình không hợp, vợ chồng chỉ sống chung trong thời gian chín ngày; từ tháng 6/2017 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, liên lạc với nhau nên anh giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Chị N thừa nhận vợ chồng không sống chung trong thời gian dài, cũng không thể đoàn tụ được nhưng chị cho rằng mình không có lỗi trong quan hệ vợ chồng nên chị không đồng ý ly hôn.

[1.2] Hội đồng xét xử thấy rằng giữa anh Đ và chị N đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm và không liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải khuyên đoàn tụ nhưng hôn nhân giữa anh Đ và chị H không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, việc anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị N xác định giữa anh chị không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Án phí: Anh Lê Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền anh đã nộp tạm ứng.

[4] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Đ được ly hôn chị Lê Thị Hồng N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền anh đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002452, ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

4. Án xử công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/7/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND nhân dân huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B (đăng ký kết hôn số 15, ngày 12/5/2017);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Kiều Trung

